

VỀ GIÁO DỤC PHẬT GIÁO VIỆT NAM

PHẠM LAN HƯƠNG^(*)

Quá trình phát triển của giáo dục Phật giáo Việt Nam

Phật giáo du nhập vào Việt Nam từ đầu Công nguyên, hình thành nên trung tâm Phật giáo Luy Lâu. Từ đây, Phật giáo được truyền ra khắp xứ Giao Châu. Luy Lâu được coi là trung tâm giáo dục Phật giáo đầu tiên ở Việt Nam. Trong thời gian này, các cơ sở giáo dục Phật giáo được thành lập tại các chùa chiền. Các nhà sư mở trường lớp để truyền giáo như giảng pháp, lễ lạc, cầu an, cầu siêu... Có thể nói, các nhà sư cũng là những thầy giáo đầu tiên của nền giáo dục Việt Nam thuở mới manh nha.

Chùa làng đã từng một thời đóng vai trò trung tâm văn hóa tinh thần của cộng đồng làng xã Việt Nam. Chùa không những là nơi giảng đạo, cầu kinh, thờ cúng Phật, mà còn là nơi hội họp, di dưỡng tinh thần, tham quan, văn cảnh.

Qua tiến trình phát triển, tự viện Phật giáo đã trở thành một cơ sở giáo dục, có truyền thống duy trì những thông tin cập nhật. Ngay cả một ngôi chùa khiêm tốn ở một nơi xa xôi cũng là một trung tâm học thuật cần thiết cho quần chúng. Các ngôi tự viện đã mở ngõ cho mọi tầng lớp nhân dân, đặc biệt là cho người dân bị thiệt thòi về mặt kinh tế và xã hội.

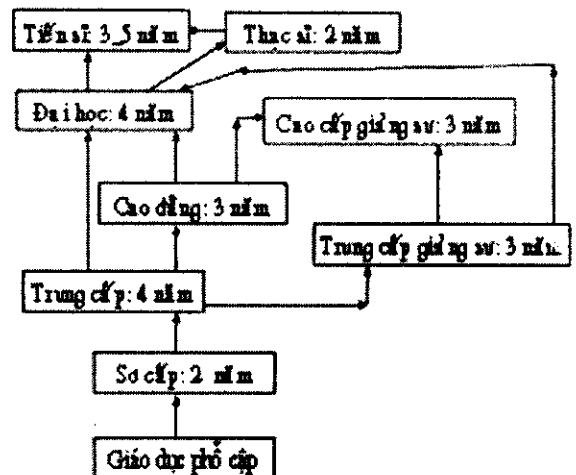
Tinh thần giáo dục Phật giáo được truyền tụng qua các buổi giảng pháp của tăng ni. Đến đời Trần, tinh thần giáo dục Phật giáo đã phát triển đến đỉnh cao.

Quốc học viện Trần Thái Tông là một minh chứng rõ nhất về nền văn minh Phật giáo rực rỡ ở Việt Nam. Thời đó, Đề Nhị Tổ Trúc Lâm đã đúc tới 1.300 pho tượng đồng, in Đại Tạng Kinh, mỗi lần giảng kinh có hàng nghìn người nghe. Đến cuối thế kỉ XIII, khi đạo Khổng trở nên lớn mạnh trong giới vua quan, giáo dục Phật giáo lui về với giới bình dân. Đến đầu thế kỉ XX, phong trào chấn hưng Phật giáo nổi lên rầm rộ, các cơ sở giáo dục Phật giáo lại mở rộng khắp nước.

Hệ thống tổ chức giáo dục Phật giáo Việt Nam ngày nay

Hệ thống giáo dục Phật giáo ngày xưa thường được tổ chức lễ tế mang tính phổ thông. Đến nay, hệ thống giáo dục này ngày càng được tổ chức một cách chặt chẽ hơn.

Sơ đồ hệ thống giáo dục Phật giáo



*. PGS.TS., Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

Nhìn tổng quát, chúng ta thấy, hệ thống giáo dục của Phật giáo Việt Nam hiện nay có cấu trúc: 2-4-3-4.

Giáo dục phổ cập: là hệ giáo dục dành cho Phật tử tại gia, bao gồm các trung tâm thuyết pháp giảng dạy giáo lý trên toàn quốc cho mọi đối tượng, mọi trình độ. Giáo dục phổ cập nhằm đáp ứng những kiến thức phổ thông nhất và cần thiết nhất để mọi người có thể sống và làm việc đúng chính pháp.

Sơ cấp (2 năm): dành cho các tăng ni sinh mới tu hành, với trình độ thế học tối thiểu là lớp 6. Ban đầu, hình thức này chủ yếu là thầy dạy trò theo từng nhóm, từng lớp, nhưng không đồng đều. Tùy theo từng địa phương, từng trú xứ có chúng đệ xuất gia nhiều hay ít mà mở lớp. Hiện nay, Phật giáo Việt Nam có 3.728 tăng ni sinh đã tốt nghiệp và 1.263 tăng ni sinh đang theo học hệ Sơ cấp Phật học.

Trung cấp (4 năm): dành cho các tăng ni đã qua Sơ cấp Phật học và có trình độ thế học tối thiểu là lớp 9. Sau khi học xong hệ Trung cấp Phật học, tùy theo năng khiếu và sở thích, tăng ni sinh có thể lựa chọn 1 trong 3 con đường: học tiếp lên hệ Cao đẳng Phật học, chuyển sang hệ Trung cấp Giảng sư, hay thi vào Đại học Phật giáo. Hiện nay, cả nước có 31 trường Trung cấp Phật học, với 5.357 tăng ni sinh đã tốt nghiệp và 3.575 tăng ni sinh đang theo học.

Cao đẳng (3 năm): cả nước hiện có 8 Trường Cao đẳng Phật học tại Thành phố Hồ Chí Minh, Bà Rịa - Vũng Tàu, Cần Thơ, Lâm Đồng, Hà Nội, Huế, Bạc Liêu, Quảng Nam với 1.382 tăng ni sinh đã tốt nghiệp và 1.746 tăng ni sinh đang theo học.

Đại học (4 năm): là hệ giáo dục chuyên sâu cho tăng ni sinh, thời gian học là 4 năm và trình độ thế học tối thiểu để được thi tuyển là lớp 12 phổ thông hoặc tương đương. Việt Nam hiện có 4 Học viện Phật giáo tại Hà Nội, Huế, Thành phố Hồ Chí

Minh và Thành phố Cần Thơ. Học viện Phật giáo Việt Nam tại Hà Nội đã đào tạo được 5 khóa với 539 tăng ni sinh đã tốt nghiệp và 286 tăng ni sinh đang theo học. Học viện Phật giáo Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh đào tạo được 4 khóa, với 1.074 tăng ni sinh đã tốt nghiệp và 675 tăng ni sinh đang theo học. Học viện Phật giáo Việt Nam tại Huế đã đào tạo 3 khóa, với 325 tăng ni sinh đã tốt nghiệp và 247 tăng ni sinh đang theo học.

Hệ thống giáo dục Phật giáo Việt Nam hiện nay tương đối hoàn chỉnh, tuy nhiên cơ sở vật chất vẫn còn hạn chế, chủ yếu là mượn địa điểm của các chùa. Vì thế, Học viện Phật giáo Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh đã được cấp một khu đất rộng 22 ha tại Bình Chánh để xây dựng một khu đại học Phật giáo tầm cỡ khu vực và quốc tế.

Thạc sĩ và Tiến sĩ: cho đến nay, Phật giáo Việt Nam chưa có hệ đào tạo Thạc sĩ và Tiến sĩ. Nhưng dự kiến hệ đào tạo này sẽ triển khai trong một vài năm tới.

Phật giáo Việt Nam còn có chương trình “Phật học hàm thụ” đào tạo từ xa, giúp cho tăng ni, Phật tử trong cả nước không có điều kiện đến lớp. Giáo dục Phật giáo Nam Tông Khmer đã tổ chức tại các tỉnh Sóc Trăng, Trà Vinh và Kiên Giang với hơn 4.500 chư tăng Khmer đã và đang theo học.

Ngoài ra, Phật giáo Việt Nam cũng có những đóng góp với sự nghiệp giáo dục chung của cả nước: đã mở 165 lớp học tình thương, 16 cơ sở nuôi dạy trẻ mẫu giáo bán trú, nhà nuôi trẻ mồ côi và khuyết tật với 6.467 em. Để bảo đảm chất lượng giáo viên, Ban Từ thiện Xã hội Trung ương đã tổ chức khóa bồi dưỡng nuôi dạy trẻ cho 92 tăng ni, Phật tử.

Nội dung giáo dục Phật giáo

Phật học gồm ba tạng kinh điển: Kinh, Luật, Luận, giáo dục cho mọi người “đau là khổ và chỉ ra con đường diệt khổ”, chủ yếu là giáo dục về đạo đức và con đường

tu tập để đoạn tận khổ đau thông qua Giới, Định, Tuệ. Ba học luận này hòa tan và xuyên suốt trong toàn bộ kinh điển Phật giáo.

Giới học: là sự giữ gìn, tu dưỡng đạo đức, nâng cao phẩm hạnh, tạo điều kiện thanh lọc lương tâm ngày càng trong sạch.

Đây là những điều ngăn cấm nhưng nó không phải là một ràng buộc mà điều kiện để có tự do, tự tại tiến đến Tuệ. Giới chính là sự thực hành đạo đức. Điều đầu tiên trong giới luật là cấm sát sinh, biểu lộ một tình thương đến hết thấy chúng sinh. Các giới luật khác như không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu, v.v... đều nhằm khuyến khích tình thương yêu rộng lớn, sự đoàn kết, tính chân thật và lối sống hướng thiện. Đây là những đức tính chủ yếu được đề cao trong đạo đức học Phật giáo, nổi bật là lòng từ bi. Lòng từ bi khiến con người gần gũi nhau, xoá bỏ mọi hiểm khích, thương người, thương loài vật, cỏ cây. Người có giới đức là người có sự tu tập, gìn giữ giới luật, biết làm chủ chính mình. Như vậy, giáo dục đạo đức Phật giáo, qua Giới học chính là đoạn trừ những việc ác, thực hiện những điều lành.

Định học: là chế ngự và chặn đứng mọi sự giao động, đoạn trừ phiền não. Chính Định là luôn giữ tâm định tĩnh, luôn làm chủ tự tâm, làm chủ tự thân và hoàn cảnh. Người tu tập Định học luôn biết làm chủ lời nói của mình trong mọi trường hợp, mọi hoàn cảnh.

Định còn là sự ổn định tâm lí vững vàng và ý thức vươn lên.

Tuệ học: là sự nhận thức những kiến thức đúng đắn. Tuệ cũng chính là trí tuệ sáng suốt phù hợp với chân lí. Nhờ tu tập Giới và Định mà phát sinh trí tuệ. Người có tuệ giác là người hiểu rõ nhân duyên các pháp, thấu rõ tính nhân quả, luôn sáng suốt trong đời sống. Giáo lí Phật giáo xem Vô minh là nguồn cội gây nên mọi sự khổ đau và thừa nhận một tâm

không tu tập là chướng ngại căn bản cho sự giải thoát. Vì vậy, "duy tuệ thị nghiệp" (lấy trí tuệ làm sự nghiệp) là phương châm mà người đệ tử Phật phải hướng đến.

Đối tượng giáo dục Phật giáo

Đối tượng giáo dục Phật giáo là từng cá nhân hay tập thể, nói chung là tất cả mọi người không biệt giới tính, giai cấp, tuổi tác... Ngày nay, đối tượng giáo dục Phật giáo cũng được chia ra hai loại: cho những người xuất gia và cho cư sĩ tại gia. Ngoài ra còn có những phần giáo dục dành riêng cho người ngoại đạo

Phương pháp giáo dục Phật giáo

Phật giáo sử dụng các phương pháp giáo dục như phổ thông ngoài đời. Đặc biệt, Phật giáo có những phương pháp giáo dục rất riêng biệt và hiệu quả, đó là Thiên học và Thân giáo.

Phương pháp Thiên học. Trong thiên học, Phật giáo dùng phương pháp đặc biệt tập trung trí tuệ để tiếp thu kinh Phật với tất cả tâm thức. Giáo dục của Thiên học dựa trên nền tảng của việc thực hành về cơ thể vật lí và tinh thần, tạo sự thư giãn toàn bộ cơ bắp và lấy lại sự thăng bằng cho hoạt động của trí não. Trực giác và sự sáng tạo thể hiện qua việc hành thiền có thể tìm lại được sinh lực và tận dụng triệt để nguồn năng lượng vô biên tiềm tàng trong mỗi cá nhân. Thiền sinh được huấn luyện để tập trung vào một điểm và gom tất cả sự chú ý vào những đối tượng của cảm giác. Sau một thời gian tập luyện, thiền sinh có được sự tập trung cao độ, sẽ dễ dàng chủ động điều khiển được nhận thức.

Sự thực tập Thiền *Vipassana* bao gồm "cảm nhận" những cảm giác của cơ thể một cách thấu đáo, không phản ứng hay đánh giá bất cứ cái/điều gì, cho đến lúc chúng ta phát triển được sự thanh thản, bình an ở mức độ sâu nhất.

Thiền Minh sát cho phép thiền giả đạt tới những giây phút "tâm trống không".

Điều này khởi động cho tiến trình "giải độc" tâm khỏi các ô nhiễm. Nghiên cứu não bộ tu sĩ đang ngồi thiền, các nhà khoa học Mỹ phát hiện thủy thái dương hoạt động mạnh hơn, còn thủy đỉnh lại hầu như không hoạt động so với bình thường. Điều này dẫn đến sự xóa bỏ cảm nhận về không gian và thời gian, giúp thiền giả rời bỏ bản ngã.

Theo Newberg, nhà Tâm lý học người Mỹ, khi người ta đã có trải nghiệm về những cảnh giới lạ, họ có thể hiểu được thực tại rộng lớn hơn và rõ ràng hơn người khác. Theo ông, khi những cảm nhận của họ về thế giới tâm linh đã trở nên mạnh mẽ và rõ ràng, thậm chí họ còn nhận biết thế giới này chính xác hơn tư duy khoa học của chúng ta.

Nhờ hành thiền, nhận thức của con người được nuôi dưỡng và trí tuệ được phát sinh, giảm bớt sự căng thẳng. Đây chính là khát vọng sâu xa của nhân loại, khát vọng mà nền văn minh hiện đại không thỏa mãn được.

Phật giáo Thiền Tông ở Việt Nam phát triển mạnh mẽ và ảnh hưởng sâu rộng trong giới trí thức, cung đình từ thời Đinh (968-980), Tiền Lê (980-1009). Đến thời Lý (1010-1225), tông phái này đã mang trong mình tinh thần Việt Nam. Đó là sự ra đời một Thiền phái mới, Thiền phái Thảo Đường, do Lý Thánh Tông, một vị vua anh kiệt đứng đầu. Nhưng Thiền Tông Việt Nam phát triển rực rỡ nhất ở giai đoạn nhà Trần (1226-1400) với những tư tưởng phóng khoáng của các Thiền sư đã được đúc kết trong các tác phẩm của Trần Nhân Tông, Pháp Loa, Huyền Quang, v.v... làm cho bình diện học thuật nước ta đương thời bừng sáng. Đặc biệt, sự xuất hiện Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử, một sản phẩm của Phật giáo Việt Nam, đã thể hiện đầy đủ đặc trưng độc đáo của người Việt. Thiền phái này đã để lại dấu ấn đặc sắc trong lịch sử văn hóa Việt Nam cho tới ngày nay.

Tại Pháp, một Thiền sư người Việt nổi tiếng, Hòa thượng Thích Nhất Hạnh của Phật giáo Làng Mai đã thuật lại những hoạt động giảng dạy Thiền học của ông trong cộng đồng quốc tế như sau:

"Trong diễn đàn "Chiều sâu tâm linh cho thế kỷ XXI", có rất nhiều lãnh tụ chính trị. Ngày hôm đó, tôi thuyết trình 5 giới của đạo Phật một cách rất phổ thông. Đó thực ra là sự thực tập của tình thương, của sự bảo vệ, phát triển cuộc sống, và gìn giữ cho mình. 5 giới đó không chỉ có tính chất tôn giáo mà còn mang tính chất đạo đức. Thông điệp của UNESCO năm 2000 cũng được trình bày giống như vậy với sự đồng thuận của 80 triệu người, có nhiều nguyên thủ quốc gia tham gia mà Thủ tướng Phan Văn Khải là một trong số đó. Sau diễn đàn, chúng tôi quy tụ lại trong một gian phòng, rồi tập thể, tập đi những bước chân thanh thản, trong đó có những người như bà Margaret Thatcher, ông Bush cha cũng tham gia...

Người Phương Tây tới thực tập với chúng tôi không có mang theo pháp vật cúng dường như hương hoa đèn nến vì với họ, chúng tôi mang đến cho họ một hệ thống triết học. Họ tới để học cách lắng dịu những căng thẳng, đau nhức ở trong tâm. Những ông cụ, bà cụ tới cúng dường như ở Việt Nam ở Phương Tây là không có. Hiện tại, mỗi một mùa hè có khoảng 45, 50 quốc tịch trong Làng Mai. Lúc đó đạo Phật giống như là một phương pháp trị liệu vậy. Bởi với người Phương Tây, đạo Phật rất là mới, không phải như là cách thức truyền bá ở Việt Nam. Nên những người Phương Tây tham gia tu tập với chúng tôi đa số là những người trẻ và trí thức"⁽¹⁾.

Tóm lại, hành thiền không chỉ giới hạn trong lĩnh vực tôn giáo, mà còn phổ biến khắp trong tất cả các lĩnh vực của đời sống cá nhân. Hành thiền nhằm đánh thức con người của thời đại, hướng về nội tâm, xây dựng cho mình một cuộc sống an lạc, hạnh phúc thông qua việc kết hợp hài hòa giữa cá thể với tự nhiên, giữa đời sống vật chất với đời sống tâm linh. Hành

1. Báo Thanh Niên, số ra ngày 5/4/2006.

thiên có thể giải quyết các căn bệnh của thời đại, làm thăng bằng vật chất và tinh thần, thăng bằng con người và thiên nhiên. Nói đúng hơn, hành thiền là một giải pháp nhằm làm quân bình cuộc sống của con người.

Ở Việt Nam đang có phong trào cải tiến phương pháp trong ngành giáo dục, cả bậc phổ thông lẫn bậc đại học. Mới đây, trong cuộc Hội thảo "Tập trung trí tuệ, nắm bắt tương lai", do Viện Nghiên cứu Giáo dục thuộc Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh và Công ti Wrigley Việt Nam tổ chức, Công ti Nghiên cứu Thị trường Research International đã đưa ra kết quả nghiên cứu: 72% trong số hơn 300 người được phỏng vấn cảm thấy khó khăn khi phải tập trung vào các việc như học hành và giao tiếp. Báo Thanh Niên, ngày 17/10/2007, cũng truy tìm nguyên nhân "Vì sao học sinh "lơ mơ" trong giờ học?". Cuộc tranh luận cách thức cho học sinh có thể tập trung tư tưởng học tập vẫn còn đang tiếp diễn. Tiếc thay, chưa ai nghĩ đến việc nghiên cứu Thiền học trong giáo dục Phật giáo để trả lời các câu hỏi trên.

Phương pháp thân giáo. Thân giáo có thể được xem như bài giáo dục thâm thuý và thiết thực nhất. Vị Pháp sư không chỉ lấy tri thức mà còn phải lấy năng lực, phẩm chất đạo đức để truyền trao cho tăng ni sinh. Phẩm hạnh, đạo đức của người thầy có sức tác động mạnh mẽ đến tâm thức của tăng ni sinh. Những hành vi thông thường của người thầy như cách đi đứng, nằm ngồi, ăn cơm, rửa mặt, v.v... cũng là những bài giảng sinh động không cần dùng tới ngôn từ. Vì vậy, sự mô phạm của thầy giáo, hay còn gọi là Thân giáo Phật học, được đánh giá rất cao. Nó đóng vai trò quan trọng trong sự tu dưỡng, học tập của tăng ni sinh. Ngoài việc nêu gương sáng, người thầy còn phải biết tổ chức các hoạt động thực tiễn cho học viên. Giáo dục Phật giáo muốn đạt kết quả cao còn phụ thuộc vào khả năng sư phạm của người thầy.

Đó là khả năng diễn đạt, trình bày kiến thức và các tư tưởng một cách nhẹ nhàng, thoải mái, giản dị, gần gũi mà sâu sắc.

Thực ra, trong hệ thống giáo dục của Nhà nước, đạo đức người thầy cũng rất được coi trọng. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển, mặt trái của cơ chế thị trường luôn tác động vào tầng lớp giáo chức. Không phải không có những người thầy đã sa ngã, không còn giữ được phẩm giá để làm gương cho học sinh noi theo. Khi đó, những bài giảng giáo dục của người thầy trở nên sáo rỗng, không còn sức thuyết phục với học sinh. Có lẽ để phát triển một đội ngũ giáo viên có đức, có tài còn đang rất thiếu thốn hiện nay thì ngành giáo dục phổ thông cũng cần nghiên cứu thêm phương pháp Thân giáo của đạo Phật.

Trong quá trình giáo dục, đạo Phật luôn đề cao tấm gương của Đức Phật. Đức Phật là một nhà giáo tuyệt vời. Ngoài đạo đức và trí tuệ trác tuyệt, Đức Phật còn đề lại những bài học quý giá về phương pháp giảng dạy. Ngài có thể thuyết phục con người thay đổi cách sống, chấp nhận những giá trị mới và tìm kiếm những mục đích mới bằng những lời giảng thuyết hùng hồn và sinh động. Trong khi những bậc Đạo sư đối thủ đương thời thường dùng những hành vi ma thuật và phép mầu để lôi kéo đệ tử, thì Đức Phật chỉ sử dụng một loại phép lạ, đó là: "Phép lạ của sự giáo huấn (*anusāsani-pāṭihāriya*, Giáo hoá thân thông)".

Trong các cuộc đàm thoại với cá nhân, Ngài thường sử dụng một vài phương pháp học thuật làm cho cuộc đàm thoại trở nên sinh động. Ngài làm cho người tranh luận trình bày rõ quan điểm của mình và chấp nhận một lập trường tư tưởng nào đó. Đức Phật sẽ không tiến hành cuộc thảo luận, trừ khi Ngài chắc chắn đã hiểu rõ quan điểm người tranh luận. Ngài hết sức thận trọng trong việc khai thông tiền đề vào lúc khởi đầu mỗi cuộc bàn luận. Nếu không đồng ý, Ngài không chê bai cũng không bài bác ý tưởng

của đối phương, mà Ngài bắt đầu đặt câu hỏi. Đó luôn là những câu hỏi thăm dò, được sắp xếp cẩn thận nhằm chinh phục đối phương nhận ra những lí lẽ nguy hiểm của chính mình. Ngài trác nghiệm lại đề tử bằng những câu hỏi thăm dò và sử dụng hàng loạt từ đồng nghĩa đối với những lời dạy quan trọng. Thỉnh thoảng, Ngài vận dụng thuật kể chuyện để minh họa giáo pháp. Khi thích hợp, Ngài tóm tắt bài giảng trong một hình thức gói gọn, thường là một sáng tác thi ca trong thể thơ 4 câu 32 vần. Đức Phật tổ chức Tăng đoàn thành một hội chúng có học thức trong đó mỗi thành viên đều dành hết cuộc đời mình cho việc học tập, thực hành những gì đã học, giảng dạy cho người khác, tham gia vào việc bàn thảo để khai thông những khái niệm, học thuộc lòng những bài pháp và những bài thơ đạo ứng khẩu. Đức Phật quan niệm, giáo lí chỉ là phương pháp thực hành và tu tập chứ không phải để tôn thờ, cũng giống như chiếc bè, một phương tiện để qua sông, chứ không phải để mang vác.

Ngày nay, chùa chiền trở thành những điểm du lịch hấp dẫn cho du khách. Nhưng mục đích của những người xây chùa trước hết không phải để kinh doanh du lịch mà sử dụng nghệ thuật để làm tăng vẻ đẹp thẩm mỹ và củng cố giáo dục. Đó cũng chính là sự đổi mới quan trọng của Phật giáo.

Bước đầu tìm hiểu về nền giáo dục Phật giáo, chúng ta có thể nêu lên một vài đặc điểm chủ yếu đáng học tập đó là:

1. Tính thực tiễn và cụ thể: Đạo đức học Phật giáo lấy vô ngã, giải thoát làm mục tiêu hành động và tiêu chuẩn để đánh giá hành động. Vì vậy, lí tưởng giải thoát trong đạo đức học Phật giáo là thực tiễn cụ thể và có thể cảm nhận rõ ràng qua từng hành vi trong đời sống hằng ngày.

2. Tính nhân bản: Đạo đức học Phật lấy con người làm nhân bản để nêu lên các phương pháp giải thoát. Việc thực hiện Từ, Bi, Hỷ, Xả có ý nghĩa quan trọng

đối với chúng sinh. Từ đó, đạo đức học Phật giáo nhằm đối tượng ở con người, vì con người, nêu cao sự tự do và trách nhiệm trong hành động của con người. Vì vậy, đây là một đạo đức học nhân bản

3. Tính tích cực: Ngày nay, những tiến bộ khoa học thường phục vụ con người có nhiều tiện nghi và vật chất. Tuy nhiên, sự tha hóa đạo đức vẫn có chiều hướng gia tăng. Đó là những biểu hiện của Tham, Sân, Si. Đạo đức Phật giáo chính là nhằm tận diệt Tham, Sân, Si bằng Giới, Định, Tuệ. Dù ở thời đại nào, xã hội nào, đây vẫn là điều không thể thiếu.

4. Phương pháp giảng dạy của Phật giáo độc đáo, dễ truyền cảm, đặc biệt với giới bình dân.

5. Có thể nói, giá trị lớn nhất mà Phật giáo đóng góp cho công cuộc giáo dục của Việt Nam chính là giáo dục đạo đức cho cả người lớn lẫn trẻ em, giúp cho xã hội ngày càng yên lành và ổn định hơn. Giáo dục Phật giáo cũng giúp cho “đạo đức công dân” ngày thêm hoàn thiện. Theo những nghiên cứu của nhóm sinh viên Khoa Giáo dục học thuộc Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, khi điều tra 183 người thuộc nhiều thành phần khác nhau ở Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Lạt và một số tỉnh Miền Nam, có 77,3% ý kiến cho rằng triết lí Phật giáo giúp con người sống có đạo đức hơn, 72% ý kiến cho rằng giáo dục Phật giáo cần thiết để góp phần giáo dục tốt đạo đức cho thanh niên ngày nay.

Trên đây là vài nét về giáo dục Phật giáo Việt Nam hiện nay. Bước đầu nghiên cứu giáo dục Phật giáo, chúng ta có thể hiểu tại sao ở Việt Nam, đạo Phật được đông đảo dân chúng ủng hộ. Từ đây, chúng ta cũng có thể rút tỉa những bài học bổ sung cho nền giáo dục Việt Nam nói chung và mạnh dạn động viên đạo Phật tham gia vào công cuộc “xã hội hóa giáo dục” của đất nước./.